

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 71/2019/DS-ST

Ngày: 04/9/2019

V/v tranh chấp **hợp đồng vay tài sản**.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Khoa;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đông H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: số 368, ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/24, đường T, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2019), (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Phong Ph, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Do quen biết nên ngày 28 tháng 02 năm 2016, ông Trần Đông H có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng, mục đích bà N vay để mua bán, kinh doanh, không thỏa thuận lãi suất và không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Khi vay có làm biên nhận, bà N có ký tên vào biên nhận. Khi cần sử dụng số tiền nói trên, ông H có yêu cầu bà N trả lại nhiều lần. Bà N hứa trả nhưng không thực hiện. Từ ngày vay đến nay, bà N không đóng lãi và trả vốn gốc cho ông H. Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Lê Phong Ph (là chồng bà N) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng cho ông Trần Đông H, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phong Ph được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 28/02/2016, ông có cho bà Nguyễn Thị N vay 15.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, không tính lãi suất và thời hạn trả nợ. Khi cần sử dụng số tiền trên, ông H đề nghị bà N trả nhưng bà không thực hiện. Nay, ông H yêu cầu bà N, ông Lê Phong Ph (chồng bà N) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Phía bà N, ông Ph đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông H, bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và thể hiện bằng biên nhận nợ ngày 28/02/2016 có chữ ký của bà N nên việc ông H khởi kiện yêu cầu trả 15.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Đối với ông Lê Phong Ph, đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại nên việc ông H yêu cầu ông Ph liên đới cùng bà N trả số tiền 15.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, xem xét:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đông H.

Buộc ông Lê Phong Ph, bà Nguyễn Thị N liên đới trả ông Trần Đông H số tiền 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong H sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị N. Bà N có nơi cư trú ấp H, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phong Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Ph là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của ông H yêu cầu bà N, ông Ph trả số tiền vay. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp Hợp đồng dân sự về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 15.000.000 đồng. Ông H cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy cho vay tiền ngày 28/02/2016, có chữ ký tên của bà N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà N tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và việc bà N đã vay tiền của ông H 15.000.000 đồng vào ngày 28/02/2016, là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, nên ông H khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vay 15.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Ph cùng với bà N trả số tiền vay 15.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng vay tài sản được xác lập với ông H và bà N, ông Ph không tham gia cùng với ông H trong giao dịch này. Tuy

nhiên, ông Ph và bà N là vợ chồng, mặc dù tại thời điểm xác lập giao dịch trên ông Ph không biết và không tham gia cùng với bà N, nhưng số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và theo ông P (người đại diện hợp pháp của nguyên đơn) trình bày thì mục đích bà N vay tiền của ông H để mua bán kinh doanh nhằm sinh lợi để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống gia đình. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 buộc ông Ph cùng có trách nhiệm đối với bà N trả cho ông H số tiền vay 15.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Từ cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc bà N, ông Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vay 15.000.000 đồng.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà N, ông Ph phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đông H đối với bà Nguyễn Thị N và ông Lê Phong Ph.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Phong Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Đông H số tiền vay 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Phong Ph phải chịu 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn lại cho ông Trần Đông H tiền tạm ứng án phí 375.000 (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0012866, ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, H sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

